

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2024/HS-ST

Ngày 31- 12-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cương.

Ông Nguyễn Tuấn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 31 tháng 12 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 202/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2024/HSST- QĐ ngày 10/12/2024 đối với bị cáo:

Trương Thái T, sinh năm 1990 tại tỉnh Bình Dương; CCCD số 074090004891, nơi cư trú: số I, tổ B, khu C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn B và bà Phan Thị H; bị cáo có vợ tên Trần Thị Bích L và 03 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2023, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Hồng H1, là Luật sư Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B, có mặt.

- Bị hại: Ông Trần Thanh L1, sinh năm 1987, nơi cư trú: số D đường P, tổ B, khu C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

- Ông Lê Văn N, sinh năm 1993, có đơn xin vắng mặt.
- Bà Trần Thị Bích L, sinh năm 1991, vắng mặt.
- Ông Lê Văn C, sinh năm 1984, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Thái Thành sống tại địa chỉ: số I tổ B, khu C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương cùng vợ là bà Trần Thị Bích L và T có mối quan hệ quen biết với ông Lê Văn N, ông Lê Văn C và ông Trần Thanh L1.

Vào khoảng 09 giờ ngày 29/6/2023, T, ông N, ông C và ông L1 cùng ngồi ăn uống rượu trước sân nhà của T. Khoảng 11 giờ cùng ngày, thì L1 cùng ông C đi về. Đến khoảng 14 giờ, ông L1 quay lại ngồi tiếp tục uống rượu cùng T, ông N. Lúc này, bà Trần Thị Bích L ngồi ăn cùng và nhắc tới việc ông L1 hứa mua lẫu nhưng không mua tới nên ông L1 bực tức lấy 01 (một) dao dài 25cm, cán dài 10cm, lưỡi dài 15cm đang để trên tủ lạnh nhà của T nên bà L đứng dậy; T đang ngồi đối diện với anh L1 thấy ông L1 cầm dao đòi đánh người nên xảy ra mâu thuẫn với ông L1. Ông L1 đâm 02 (hai) nhát về hướng cánh tay phải và vùng bụng của T nhưng không trúng. Bực tức, T chạy đến bụi chuối cách chỗ ngồi 03 mét lấy 01 (một) dao tự chế dài 71 cm, cán dài 46 cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 25 cm chém 03 (ba) nhát vào vùng đầu, 01 (một nhát) vùng sau cổ và 01 (một nhát) cẳng tay trái của ông L1. Lúc này, ông N đến can ngăn nên T đi vào trong nhà, còn ông L1 thì được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh B.

Tại Bản kết luận giám định số 551/2023/KLGD-TTPY ngày 22/9/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh B, kết luận đối với ông Trần Thanh L1 như sau:

Các kết quả chính:

- 03 (ba) vết thương đầu vùng đỉnh – chằm 6,5 x 0,3cm, 6 x 0,4cm và 1,5 x 0,2cm, sọc lành. Nứt sọ chằm phải kích thước 2cm, nứt sọ vùng đỉnh 3cm, đã điều trị nội khoa.
- Vết thương cổ - gáy 12 x 0,2cm, đứt cơ thang, đứt cơ bán gai đầu, cơ gối đầu 2 bên, gãy mỏm gai đốt sống cổ C3, đã can.
- Vết thương mặt trong 1/3 giữa cánh tay trái 6,2 x 0,5cm, sọc lành.

Kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Thanh L1 tại thời điểm giám định là 25% (hai mươi lăm phần trăm).

Cáo trạng số: 230/CT-VKSBD.P2 ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định truy tố Trương Thái T về tội “Giết người” quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự, phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và xác định: bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại; bị hại cũng có lỗi và có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 123; Điều 15; các điểm b, e, s khoản 1 Điều 51; Điều 57; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 04 năm đến 05 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về xử lý vật chứng: xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội giống nội dung Viện Kiểm sát truy tố.

Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại là 50.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường 15.000.000 đồng, đồng ý bồi thường số tiền còn lại 35.000.000 đồng, lời nói sau cùng: bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin lỗi bị hại, xin được hưởng mức hình phạt thấp nhất để có điều kiện làm lại cuộc đời.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: người bào chữa thống nhất về tội danh, khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, trong vụ án này bị hại cũng có lỗi nên đề nghị áp dụng mức hình phạt thấp nhất thấp hơn đề nghị của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trương Thái T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tình tiết như nội dung Cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội và vật chứng thu giữ.

Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 29/6/2023, tại địa chỉ số 1 tổ B, khu C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, khi bị ông Trần Thanh L1 dùng dao Thái Lan đâm bị cáo nhưng bị cáo Trương Thái T né tránh được, sau đó bị cáo T lấy 01 (một) dao tự chế dài 71 cm, cán dài 46 cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 25 cm chém 03 (ba) nhát vào vùng đầu, 01 (một nhát) vùng sau cổ và 01 (một nhát) cẳng tay trái của ông L1 gây thương tích với tỷ lệ thương tật 25% (hai mươi lăm phần trăm).

[3] Hành vi của bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm (dao tự chế bằng kim loại dài 71 cm) chém nhiều nhát vào vùng đầu, vùng cổ làm nứt sọ chẩm phải và vùng đỉnh, vết thương cổ gây đứt thang, đứt cơ bán gai đầu, cơ gối đầu hai bên, gây móm gai C3; đây là những vùng trọng yếu của cơ thể có khả năng gây nguy hiểm đến tính mạng của người bị hại rất cao, bị hại L1 không chết là do nguyên nhân ngoài ý muốn của bị cáo. Hành vi của bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” thuộc trường hợp chưa đạt theo quy định tại khoản 2 Điều 123, Điều 15 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo về tội “Giết người” theo quy định tại khoản 2 Điều 123; Điều 15 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, mức đề nghị hình phạt của Kiểm sát viên đối với bị cáo là phù hợp với hành vi bị cáo đã thực hiện.

Lời trình bày của người bào chữa đề nghị áp dụng mức hình phạt thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là không phù hợp với hành vi bị cáo đã thực hiện nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm về tính mạng, sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật, làm ảnh hưởng an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo nhận thức hành vi dùng dao bằng kim loại là hung khí nguy hiểm chém vào vùng trọng yếu trên cơ thể của bị hại có thể gây thiệt hại về tính mạng của họ nhưng vẫn cố ý phạm tội. Tuy nhiên trong vụ án bị hại là người có lỗi, dùng dao Thái Lan đâm bị cáo trước nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả phạm tội đã thực hiện, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của bị hại gây ra nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, e, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Bị cáo cố ý phạm tội nhưng không thực hiện được đến cùng vì nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn nên áp dụng Điều 15; Điều 57 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Thanh L1 vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra bị hại yêu cầu bị cáo T bồi thường tổng chi phí điều trị thương tích và tổn thất về mặt tinh thần là 50.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường 15.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường số tiền còn lại 35.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về vật chứng của vụ án: vật chứng thu giữ trong vụ án 01 (một) dao dài 25cm, cán gỗ dài 10cm, lưỡi dài 15cm và 01 (một) dao tự chế dài 71cm, cán bằng gỗ dài 46cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 25cm không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí sơ thẩm: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Trương Thái T phạm tội “Giết người” (chưa đạt).

Áp dụng khoản 2 Điều 123; Điều 15; Điều 57; các điểm b, e, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Thái T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/6/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 590 Bộ luật Dân sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trương Thái T phải bồi thường cho ông Trần Thanh L1 số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) dao dài 25cm, cán gỗ dài 10cm, lưỡi dài 15cm và 01 (một) dao tự chế dài 71cm, cán bằng gỗ dài 46cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 25cm.

(theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/10/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh B và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương).

3. Án phí sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trương Thái T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (1);
- Phòng PC01 - Công an tỉnh Bình Dương (1);
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương (1);
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bình Dương (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (1);
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Bình Dương (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Người bào chữa (1);
- Người tham gia tố tụng khác (1);
- Tổ Hành chính tư pháp (2);
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án (4);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, PHT, 20.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Sỹ Trứ

